UBND PHƯỜNG QUẾ VÕ
TRƯỜNG THCS QUẾ VÕ

(Đề có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2026 – 2027
***Môn*: Toán – Lớp 6**
***Thời gian làm bài*: 90 phút** *(không kể thời gian giao đề)*

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

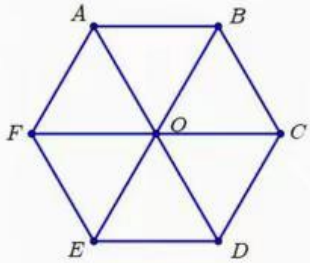
Câu 1. Tập hợp các số tự nhiên kí hiệu là:
A. N. **B.** N^*. **C.** Z. **D.** S.

Câu 2. Trong các số tự nhiên sau số nào là số nguyên tố?
A. 1. **B.** 81. **C.** 35. **D.** 2.

Câu 3. Những hình nào sau đây có hai đường chéo bằng nhau?
A. Hình thoi, hình chữ nhật, hình thang cân.
B. Hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông.
C. Hình chữ nhật, hình thang cân, hình vuông.
D. Hình thang cân, hình bình hành, hình chữ nhật.

Câu 4. Mỗi ngày An được mẹ cho 25 000 đồng. An ăn sáng hết 10 000 đồng, mua sữa hết 6 000 đồng, số tiền còn lại An để tiết kiệm. Hỏi sau một tuần An có bao nhiêu tiền tiết kiệm?
A. 9000 đồng. **B.** 36000 đồng. **C.** 63000 đồng **D.** 16000 đồng.

Câu 5. Cho hình lục giác đều như hình vẽ, số hình thoi có các đỉnh là 4 trong 7 điểm A, B, C, D, E, F, O là



A. 10. **B.** 8.
C. 4. **D.** 6.

Câu 6. Có bao nhiêu chữ số a để $\overline{23a}$ chia hết cho 9?
A. 4. **B.** 1. **C.** 3. **D.** 2.

Câu 7. Tổng các ước của 10 là:
A. 10 **B.** 18 **C.** 15 **D.** 20

Câu 8. Tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 5 là
A. {0;1;2;3;4} **B.** {1;2;3;4} **C.** {0;1;2;3;4;5} **D.** {1;2;3;4;5}

Câu 9. Số liền sau của 2025 là
A. 2024 **B.** 2026 **C.** 2025 **D.** 2027

Câu 10. Số 14 được biểu diễn bằng số La Mã là
A. XI **B.** XV **C.** XVI **D.** XIV

Câu 11. Ghép 6 tam giác đều có độ dài cạnh là 5 cm thành một lục giác đều. Khi đó độ dài đường chéo chính là:
A. 10 cm **B.** 5 cm **C.** 30 cm **D.** 15 cm

Câu 12. Phát biểu nào sau đây là sai:

Trong một hình vuông có:
A. Bốn cạnh bằng nhau
B. Hai đường chéo bằng nhau
C. Bốn góc bằng nhau và bằng 120 độ
D. Các cạnh đối song song với nhau

Câu 13. Tích $8^2.8^4.8^6$ bằng:
A. 24^6 **B.** 64^{12} **C.** 8^{12} **D.** 8^{48}

Câu 14. Thứ tự các phép tính nào sau đây đúng với biểu thức khi có dấu ngoặc?
A. [ ]; ( ); { } **B.** ( ); [ ]; { } **C.** { }; [ ]; ( ) **D.** [ ]; { }; ( )

Câu 15. Phân tích số 28 ra thừa số nguyên tố, ta được:
A. $2^2.3.5$ **B.** $2^3.3$ **C.** $2^2.7$ **D.** 2.7^2

Câu 16. Điều kiện của x để biểu thức $A = 20+18+16+x$ chia hết cho 2 là

A. $x \in \{0;2;4;6;8\}$ **B.** x là số tự nhiên lẻ

C. x là số tự nhiên chẵn **D.** x là số tự nhiên bất kì

Câu 17. ƯCLN (63,9) bằng?

A. 3 **B.** 63 **C.** 1 **D.** 9

Câu 18. Cho hình thoi ABCD, biết AB = 3 cm. Khi đó AD có độ dài là

A. 3 cm **B.** 4 cm **C.** 2 cm **D.** 5 cm

Câu 19. Biển báo giao thông nào dưới đây là hình tam giác đều?



Biển báo 1



Biển báo 2



Biển báo 3



Biển báo 4

A. Biển báo 3 **B.** Biển báo 4 **C.** Biển báo 2 **D.** Biển báo 1

Câu 20. Chữ số 3 trong số 2 358 có giá trị là:

A. 3000 **B.** 300 **C.** 30 **D.** 3

II. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 21. (1,25 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể)

a) $123+45+77+255$ **b)** $2025^0 + 2.(160-10^2) - 11^4 : 11^2$

Câu 22. (1,25 điểm) Tìm số tự nhiên x biết:

a) $x-10=25$ **b)** $x \in B(6)$ và $6 < x \leq 48$

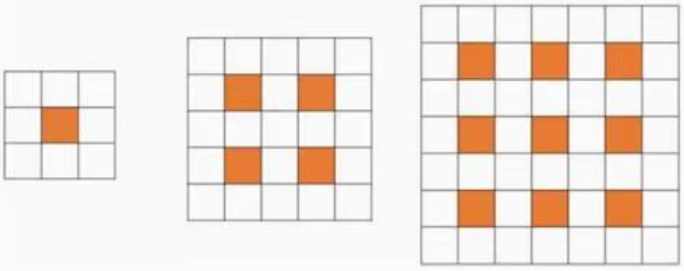
Câu 23. (1,5 điểm)

Cô giáo chủ nhiệm muốn chia 24 quyển vở, 48 bút bi và 36 gói bánh thành một số phần thưởng như nhau để trao trong dịp sơ kết học kì. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần thưởng? Khi đó mỗi phần thưởng có bao nhiêu quyển vở, bút bi và gói bánh.

Câu 24. (1,0 điểm)

a) (0,5 điểm) Vẽ hình chữ nhật $ABCD$ có độ dài một cạnh bằng 3 cm., một cạnh bằng 5 cm.

b) (0,5 điểm) Cho dãy hình theo quy luật sau:



Hỏi hình thứ 20 trong dãy sẽ có bao nhiêu ô vuông không tô màu?

--------- Hết ---------

Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh:.....

SBD:.....

UBND PHƯỜNG QUẾ VÕ
TRƯỜNG THCS QUẾ VÕ

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA KỲ 1
Năm học 2026 - 2027
MÔN: TOÁN - LỚP 6
(Hướng dẫn chấm gồm 02 trang)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
A	D	C	C	D	B	B	A	B	D
Câu 11	**Câu 12**	**Câu 13**	**Câu 14**	**Câu 15**	**Câu 16**	**Câu 17**	**Câu 18**	**Câu 19**	**Câu 20**
A	C	C	B	C	C	D	A	D	B

PHẦN II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu	Hướng dẫn	Điểm
Câu 21		**1,25**
	a) $123+45+77+255$ $=(123+77)+(45+255)$	0,25
	$=200+300$ $=500$	0,25
	b) $2025^0+2.(160-10^2)-11^4:11^2$ $=1+2.[160-100]-11^2$	0,25
	$=1+2.[160-100]-121$ $=1+2.60-121$ $=1+120-121$ $=121-121=0$	0,5
Câu 22		**1,25**
	a) $x-10=25$ $x=25+10$	0,25
	$x=35$ Vậy $x=35$	0,25
	b) Vì $x\in B(6)$ nên $x\in$ $0;6;12;18;24;30;36;42;48;54;...$	0,5
	Mà $6<x\leq 48$ nên $x\in$ $12;18;24;30;36;42;48$ Vậy $x\in$ $12;18;24;30;36;42;48$	0,25
Câu 23		**1,5**
	Gọi a là số phần thưởng để cô giáo chủ nhiệm trao trong dịp sơ kết học kì $(a\in \mathrm{N}^*;\ a<24)$	0,25
	Để số phần thưởng là nhiều nhất thì a phải là số lớn nhất sao cho $24\vdots a;\ 48\vdots a;36\vdots a$. Tức là $a=\text{ƯCLN}(24,48,36)$.	0,5
	Ta có $24=2^3.3$, $48=2^4.3$, $36=2^2.3^2$. Từ đó $\text{ƯCLN}(24,48,36)=2^2.3=12$ $\Rightarrow a=12$	0,5

	Vậy có thể chia được nhiều nhất 12 phần thưởng. Trong đó mỗi phần thưởng có 2 quyển vở, 4 bút bi, 3 gói bánh.	0,25
Câu 24		**1,0**
	a) Vẽ hình đúng, chính xác, viết tên cho hình chữ nhật ABCD  	0,5
	b) Giả sử mỗi ô vuông có độ dài canh bằng 1 cm. Các hình vuông thứ 1, 2, 3 trong dãy lần lượt có cạnh là 3 cm, 5 cm, 7 cm. Suy ra hình vuông thứ n có cạnh là (2n + 1) cm	0,25
	Số hình vuông tô màu trong các hình thứ 1, 2, 3 lần lượt là 1, 4, 9. Suy ra hình vuông thứ n có n^2 ô vuông tô màu. Do đó, hình vuông thứ n có $(2n+1)^2 - n^2$ ô vuông không tô màu Vậy số ô vuông không tô màu ở hình vuông thứ 20 là: $(2.20+1)^2 - 20^2 = 41^2 - 20^2 = 1281$ (ô vuông)	0,25

----------Hết----------